

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 418/2023/DS-PT.  
Ngày: 08-12-2023.  
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Lê Thị Kim Nga

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 653/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1965 (chết ngày 13/5/2022).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:*

1. Ông Đỗ Lê Phú Q, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Ông Đỗ Lê Phú A, sinh năm 1990 (vắng mặt)

3. Ông Đỗ Lê Tài N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

4. Ông Đỗ Lê Toàn C, sinh năm 1998 (vắng mặt)

5. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Cao Văn Ú, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

3.2. Ngân hàng N1 - Chi nhánh B; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Các nguyên đơn Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Â, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021 của nguyên đơn ông Đỗ Văn H, bản tự khai ngày 17/6/2022 của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 620, 621, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An là của cha mẹ ông H tặng cho ông H, ông H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông H được tặng cho đất không có đo thực tế, không ký giáp ranh với các hộ liền kề. Giáp ranh hai thửa đất của ông H là thửa đất số 600, 601, tờ bản đồ số 30 của ông Cao Văn Ú có một bờ ranh rộng khoảng 05 tấc. Quá trình sử dụng đất đến tháng 10 năm 2020, ông Ú phá bờ tre xây dựng hàng rào lưới B40 lấn qua đất của ông H, nhiều lần ông H có yêu cầu ông Ú trả lại phần diện tích đất lấn chiếm nhưng ông Ú không đồng ý.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ông Ú tháo dỡ hàng rào trả lại phần diện tích đất lấn chiếm ngang 1m, dài 50m. Tổng diện tích đất là 50m<sup>2</sup>. Nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Ú, bà S phải tháo dỡ hàng rào, nhà tạm trả phần diện tích đất tranh chấp tại vị trí khu E diện tích 4m<sup>2</sup> và khu G diện tích 13,3m<sup>2</sup>. Tổng cộng là 17,3m<sup>2</sup> theo Mạnh trích đo địa chính số 328-2022 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 20/6/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022. Hiện tại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn đang giữ, không thể chấp, chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức nào.

*Bị đơn ông Cao Văn Ú trình bày:* Nguồn gốc đất của ông Ú là do năm 1995 nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn C1 gồm 08 thửa đất, trong đó có phần đất tranh chấp với ông H. Ông Ú chỉ biết 02 thửa đất của ông Ú (không biết thửa số mấy), tiếp giáp với đất của ông H là thửa đất số 620, 621. Thời điểm ông Ú mua thì mua trọn thửa 2.000m<sup>2</sup> không có đo thực tế, không có ký giáp ranh với các hộ liền kề và được UBND huyện Đ cấp giấy nhận quyền sử dụng đất cho ông Ú. Ranh giới giữa đất của ông H và đất của ông Ú là bờ tre khoảng 5 tấc, hiện trạng đất ông H ở dưới ruộng còn bên ông Ú là đất gò. Hiện tại ông Ú đã đốn bỏ hàng rào tre nhưng vẫn còn bờ ranh. Tháng 10 năm 2020, ông Ú xây dựng hàng rào lưới B40 ngay giáp bờ tre, khi tiến hành xây dựng hàng rào thì ông Ú có kêu gia đình ông H đến xác định ranh đất nhưng ông H không đến. Sau khi, ông Ú xây dựng hàng rào xong thì ông H tranh chấp.

Nay, nguyên đơn yêu cầu ông Ú phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và nhà tạm để trả lại phần đất tại vị trí khu E diện tích 4m<sup>2</sup> và khu G diện tích 13,3m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo địa chính số 328-2022 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 20/6/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022. Ông xác định nếu kiểm tra có việc lấn đất thì ông Ú đồng ý trả, không tranh chấp cây trồng.

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ú hiện đang thế chấp Ngân hàng N1 - Chi nhánh B.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:* Bà S là vợ ông Ú, hôn nhân giữa bà S và ông Ú vẫn đang tồn tại. Bà S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H vì không có lấn đất, không tranh chấp cây trồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 - Chi nhánh B có văn bản ý kiến tại Công văn số 5514/NHN<sub>o</sub>BDH - TD ngày 09/6/2023.* Ngân hàng có cho ông Cao Văn Ú vay 100.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số L 526174 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/8/1997 tại thửa đất số 545, 546, 548, 550, 600, 601, 602, tờ bản đồ số 30. Hợp đồng tín dụng chưa đến kỳ trả nợ nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án, do bận công việc nên xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tuyên:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thị Kim T, Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N và Đỗ Lê Toàn C (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Đỗ Văn H) về việc yêu cầu ông Cao Văn Ú và bà Nguyễn Thị S tháo dỡ hàng rào lưới B40 và nhà tạm, trả lại cho bà T, ông Q, ông Á, ông N và ông C phần đất tại khu E có diện tích 4m<sup>2</sup> và khu G có diện tích 13,3m<sup>2</sup>, tổng cộng là 17,3m<sup>2</sup>, theo Mảnh trích đo địa chính số 328-2022 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 20/6/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp quyền sử dụng đất đúng hiện trạng và diện tích đất thực tế sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Văn phòng đăng ký đất đai, C2, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến

động hoặc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng và án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2023 các nguyên đơn Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 18/7/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa có Quyết định kháng nghị số 619/QĐ-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 03/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, thấy rằng: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các nguyên đơn Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 280, Điều 281 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Đỗ Lê Phú Á, ông Đỗ Lê Tài N, ông Đỗ Lê Toàn C, Ngân hàng N1 – Chi nhánh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét nội dung: Xét kháng cáo của các (ông bà) Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, thấy rằng:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận, khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 620, 621 cho ông H và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 600, 601 cho ông Ú đều không có đo thực tế, không có ký giáp ranh.

[2.2] Ông H chết có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà T, ông C, ông N, ông Á, ông Q yêu cầu ông Ú, bà S phải tháo dỡ hàng rào, nhà tạm để trả lại diện tích đất đang tranh chấp tại vị trí khu E diện tích  $4m^2$  và khu G diện tích  $13,3m^2$ . Tổng cộng diện tích là  $17,3m^2$  theo Mảnh trích đo địa chính số 328-2022 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 20/6/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022. Phía ông Ú, bà S không đồng ý.

[2.3] Xét thấy: Căn cứ vào Mảnh trích đo bản đồ địa chính đo vẽ khi tranh chấp thể hiện vị trí đất tại khu E diện tích là  $4m^2$  là loại đất LUK thuộc một phần thửa đất số 620 do ông Đỗ Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí đất tại khu G diện tích là  $13,3m^2$  là loại đất ONT thuộc một phần thửa đất số 621 do ông Đỗ Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, vị trí đất tại khu G là loại đất ONT phù hợp với loại đất tại thửa đất 621 do ông Đỗ Văn H đứng tên, vị trí đất tại khu G này giáp ranh với đất của ông Ú thì đất của ông Ú là loại đất LUK, như vậy đất của ông Ú đứng tên là khác với loại đất đang tranh chấp. Theo ranh bản đồ địa chính thể hiện vị trí đất tại khu E và khu G đều nằm trong hai thửa đất 620 và 621 của ông Đỗ Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông Ú xác định nếu đo đạc có bản vẽ thể hiện vị trí đất đang tranh chấp thuộc về của nguyên đơn thì ông đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp cho phía nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm ông Ú đồng ý trả lại phần đất đang tranh chấp tại các vị trí khu E và khu G cho các nguyên đơn, đồng thời ông xác định không yêu cầu phía nguyên đơn bồi thường giá trị hàng rào và nhà tạm trên phần đất tranh chấp. Phía nguyên đơn xác định ông Ú và bà S xây dựng hàng rào sau khi phía nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nên không đồng ý bồi thường giá trị hàng rào và nhà tạm trên diện tích đất tranh chấp. Tại vị trí đất đang tranh chấp này hiện tại bị đơn đã xây dựng hàng rào lưới B40 vào năm 2020 và có làm 1 phần nhà tạm, từ khi bị đơn xây dựng hàng rào thì các nguyên đơn tranh chấp cho đến nay. Do yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Lê Thị Kim T, ông Đỗ Lê Phú Q, ông Đỗ Lê Toàn C, ông Đỗ Lê Tài N và

ông Đỗ Lê Phú Á được chấp nhận nên buộc ông Ú và bà S phải phải tháo dỡ hàng rào, nhà tạm trả lại diện tích đất đang tranh chấp tại vị trí khu E diện tích 4m<sup>2</sup> và khu G diện tích 13,3m<sup>2</sup>. Tổng cộng diện tích là 17,3m<sup>2</sup> cho phía nguyên đơn.

Từ những phân tích trên: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn và chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 31.700.000 đồng, số tiền này các nguyên đơn đã nộp xong. Do đó, ông Cao Văn Ú và bà Nguyễn Thị S phải liên đới trách nhiệm hoàn lại cho Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T số tiền 31.700.000 đồng. Chi phí tại cấp phúc thẩm là 10.000.000 đồng các nguyên đơn tự nguyện chịu, số tiền này các nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông Đỗ Văn H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Lê Thị Kim T, Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N và Đỗ Lê Toàn C không phải chịu án phí. H1 lại cho các ông bà Lê Thị Kim T, Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N và Đỗ Lê T1 Cơ số tiền 300.000 đồng do ông Đỗ Văn H tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0008942 ngày 02/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[5.2] Ông Cao Văn Ú và bà Nguyễn Thị S phải liên đới chịu 300.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T không phải chịu án án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Lê Phú Q, ông Đỗ Lê Phú Á, ông Đỗ Lê Tài N, ông Đỗ Lê Toàn C, bà Lê Thị Kim T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 148, Điều 272, Điều 273, Điều 280, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 3, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn H (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H là ông Đỗ Lê Phú Q, ông Đỗ Lê Phú Á, ông Đỗ Lê Tài N, ông Đỗ Lê Toàn C, bà Lê Thị Kim T.

1.1. Buộc ông Cao Văn Ú và bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và nhà tạm tại vị trí khu E và khu G trả lại cho ông Đỗ Lê Phú Q, ông Đỗ Lê Phú Á, ông Đỗ Lê Tài N, ông Đỗ Lê Toàn C, bà Lê Thị Kim T, diện tích đất tại khu E là 4m<sup>2</sup> và khu G là 13,3m<sup>2</sup>. Tổng diện tích là 17,3m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo địa chính số 328-2022 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 20/6/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022.

1.2. Các (ông bà) Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại khu E và khu G theo Mảnh trích đo địa chính số 328-2022 do Công ty TNHH Đ đo ngày 20/6/2022, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022.

**2.** Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 31.700.000 đồng, số tiền này các nguyên đơn đã nộp xong. Do đó, ông Cao Văn Ú và bà Nguyễn Thị S phải liên đới trách nhiệm hoàn lại cho Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T số tiền 31.700.000 đồng. Chi phí tại cấp phúc thẩm là 10.000.000 đồng các nguyên đơn tự nguyện chịu, số tiền này các nguyên đơn đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Đỗ Văn H có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Lê Thị Kim T, Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N và Đỗ Lê Toàn C không phải chịu án phí. H1 lại cho các (ông bà) Lê Thị Kim T, Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Á, Đỗ Lê Tài N và Đỗ Lê T1 Cơ số tiền 300.000 đồng do ông Đỗ Văn H tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0008942 ngày 02/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.2. Ông Cao Văn Ú và bà Nguyễn Thị S phải liên đới chịu 300.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Â, Đỗ Lê Tài N, Đỗ Lê Toàn C, Lê Thị Kim T không phải chịu án phí. H1 lại cho các (ông bà) Đỗ Lê Phú Q, Đỗ Lê Phú Â, Đỗ Lê Tài N, Lê Thị Kim T, Đỗ Lê Toàn C mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0004801, 0004082, 0004083, 0004080 cùng ngày 14/7/2023 và 0004084 ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

-TAND cấp cao tại TP . HCM;

**TÒA**

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Phùng Thị Cẩm Hồng**